

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST

Ngày: 24-07-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Bà Ngô Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 284/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: Số A Khu phố Đ, Phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Xuân T1, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Số B đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thúy D, sinh năm 1984; thường trú: Số B đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 20/04/2025, lời khai trong quá trình tố tụng, và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Trong thời gian từ ngày 03/04/2025 đến ngày 06/6/2024, bà Trần Thị T cho ông Võ Xuân T1 vay tổng số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu đồng) chia làm 4 lần: lần thứ nhất vào ngày 03/4/2024 ông T1 vay số tiền: 200.000.000 đồng; vào ngày 09/4/2024 ông T1 vay số tiền 50.000.000 đồng; vào ngày 06/6/2024 bà T cho ông T1 vay 02 lần, mỗi lần 100.000.000 đồng. Hợp đồng vay giữa bà T và ông T1 có thỏa thuận lãi với mức lãi suất là 3%/tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông T1 có trả được cho bà T số tiền 13.500.000 đồng tiền lãi. Ông T1 chưa trả tiền gốc cho bà T.

Từ ngày 10/6/2025 đến nay, ông T1 không trả lãi cũng như tiền gốc cho bà T mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở ông T1, nay bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Xuân T1 phải trả lại cho bà T số tiền vay là: 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), tạm tính từ ngày 10/06/2024 đến ngày Tòa án xét xử vụ án (24/7/2025) là 13 tháng 14 ngày với số tiền là: 101.000.000 đồng. Tổng cộng là: 551.000.000 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 25/7/2025 với mức lãi suất 20%/năm cho đến khi ông Võ Xuân T1 thanh toán xong khoản nợ cho bà Trần Thị T.

Tại phiên tòa bà T trình bày tại thời điểm bà T cho ông T1 vay tiền bà T không thông báo cho bà D (vợ ông T1) biết, nên nay bà không yêu cầu bà Lê Thúy D phải có nghĩa vụ liên đới cùng chồng trả số nợ trên cho bà T.

- *Bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Võ Xuân T1 trình bày:* Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc ông T1 có vay bà T tổng số tiền là: 450.000.000 đồng. Hợp đồng vay giữa ông T1 và bà T có thỏa thuận lãi suất với mức lãi 3%/tháng. Trong thời gian thực hiện hợp đồng vay ông T1 có trả được cho bà T số tiền 13.500.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 10/6/2025 đến nay thì ông không trả được thêm cho bà T khoản tiền lãi nào cũng như tiền gốc. Ông không có ý định không trả lại tiền vay cho bà T mà do ông làm ăn thất bại nên không còn khả năng trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà T.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T thì ông đồng ý trả lại tiền gốc đã nhận cho bà T là 450.000.000 đồng, còn tiền lãi thì ông không đồng ý trả tiền lãi cho bà T. Lý do là vì ông vay tiền của bà T để cho người khác vay lại kiếm lời nhưng nay người vay tiền của ông cũng không trả lãi cho ông như thỏa thuận nên ông không đồng ý trả tiền lãi cho bà T.

Ông T1 xác định khoản vay của ông với bà T là ông vay tiền để làm ăn riêng. Ông là người vay và nhận tiền từ bà T nên ông sẽ có nghĩa vụ trả lại số tiền mà ông đã nhận cho bà T, không liên quan gì đến vợ ông bà Lê Thúy D.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thúy D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, tại bản tự khai ngày 20/6/2025 bà D trình bày:* Bà đã nhận được thông báo thụ lý và biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, mặc dù phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/6/2025 vắng mặt bà. Tuy nhiên, bà thống nhất với kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/6/2025 và không

yêu cầu Tòa án phải tiến hành mở lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như hòa giải lại. Bà xác định bà là vợ của ông Võ Xuân T1 nhưng bà không biết gì về khoản vay của ông T1 với bà T. Nhà bà và nhà bà T ở gần nhau nên là hàng xóm của nhau nhưng khi ông T1 vay tiền của bà T thì cả ông T1 cũng như bà T đều không cho bà biết. Do đó, bà không có nghĩa vụ liên đới phải trả số tiền nợ mà ông T1 vay của bà T cùng với ông T1.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa thấy rằng: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thúy D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thúy D.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị T, lời khai của bị đơn ông Võ Xuân T1 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Từ ngày 03/4/2024 đến ngày 06/6/2024, bà Trần Thị T đã nhiều lần cho ông Võ Xuân T1 vay tiền, cụ thể: Ngày 03/4/2024 ông T1 vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 09/4/2024 ông T1 vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 06/6/2024 ông T1 vay 02 lần, mỗi lần 100.000.000 đồng. Tổng cộng, ông Võ Xuân T1 đã vay của bà Trần Thị T số tiền 450.000.000 đồng. Ông T1 và bà T có thỏa thuận với nhau về mức lãi suất đối với hợp đồng vay trên là 3%/tháng (tương đương 36%/năm). Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ, ông T1 đã trả được 13.500.000 đồng tiền lãi, tuy nhiên chưa hoàn trả bất kỳ khoản tiền gốc nào. Kể từ ngày 10/6/2024 đến nay, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cũng như tiền gốc cho bà T.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Xuân T1 thừa nhận đã nhận tiền vay của bà T số tiền 450.000.000 đồng và xác nhận có thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày.

Xét đây là sự thừa nhận của các đương sự nên thuộc trường hợp không cần phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền nợ gốc đã vay là 450.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với phần tiền lãi: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hợp đồng vay tài sản được giao kết giữa bà Trần

Thị T và ông Võ Xuân T1 là hợp đồng vay có thỏa thuận về lãi suất. Xét thấy, quan hệ vay tài sản giữa bà Trần Thị T và ông Võ Xuân T1 là giao dịch dân sự được xác lập hợp pháp, có sự tự nguyện và thỏa thuận rõ ràng giữa các bên. Tuy nhiên, mức lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng (tương đương 36%/năm) đã vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định.

Cụ thể, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Như vậy, phần lãi suất vượt quá (tương đương 16%/năm) là không có hiệu lực.

Đối với phần lãi chậm trả kể từ ngày 10/6/2024, mà nguyên đơn yêu cầu về việc tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, do bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đúng hạn. Thời hạn tính lãi được tính từ ngày ông Tường vi phạm nghĩa vụ ngày 10/6/2024 đến ngày Tòa án xét xử vụ án (24/7/2025) với là 13 tháng 14 ngày, với số tiền là: 101.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T với bị đơn ông Võ Xuân T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Võ Xuân T1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 551.000.000 (năm trăm năm mươi một triệu) đồng. (Trong đó: 450.000.000 nợ gốc và 101.000.000 đồng tiền nợ lãi).

Tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 25/7/2025 với mức lãi suất 20%/năm, cho đến khi ông Võ Xuân T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho bà Trần Thị T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Xuân T1 phải chịu 26.040.000 (hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 12.643.400 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008228 ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2);
- VKSND khu vực 16;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

